

Số: 421/QĐ-LNTH

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu

**lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất theo hồ sơ báo cáo
kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026
hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha**

CHỦ TỊCH CÔNG TY KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRÂM HƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất 2026 diện tích 27,78 ha - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 06/06/2026 về việc thẩm định hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha;

Xét Tờ trình ngày 04/06/2026 về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất theo hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha với nội dung theo hồ sơ yêu cầu đính kèm.

Điều 2. Giao Phòng Kỹ thuật và Quản lý bảo vệ rừng chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Hành chính - Nhân sự và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các bước tiếp theo để lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng theo nội dung Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt; tham mưu Chủ tịch Công ty xem xét, quyết định kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Kỹ thuật và Quản lý bảo vệ rừng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính - Nhân sự và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Ban GD (theo dõi, chỉ đạo);
- P.KT&QLBVR; HC-NS; KH-TC;
- Lưu: VT; TCG; TTĐ.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY KIÊM
GIÁM ĐỐC**




Lê Văn Trung

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRÂM HƯƠNG

HỒ SƠ YÊU CẦU

LỰA CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HỢP TÁC TRỒNG RỪNG
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN
TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT NĂM 2026
HỒ SƠ SỐ 08/2026/TRSX, DIỆN TÍCH: 27,78 HA

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN

Dự án trồng rừng sản xuất năm 2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương khởi công năm 2026. Giai đoạn đầu tư từ năm 2026 – 2028, giai đoạn nuôi dưỡng rừng từ 2029-2030. Thời gian dự kiến đưa vào khai thác: năm 2030

Địa điểm: Khoảnh 7, tiểu khu 124, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Quy mô diện tích: 27,78 ha.

Loài cây trồng: keo lai (dòng AH7), mật độ trồng 3.333 cây/ha.

PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

Phân chia công việc giữa Công ty và tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng như sau:

TT	Năm	PHÂN CÔNG VIỆC CỦA CÔNG TY	PHÂN CÔNG VIỆC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
1	2026	Lập Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng	
		Bố trí đất trồng rừng	
		Cung cấp cây giống trồng rừng	Trồng rừng (xử lý thực bì, cuốc/lấp hố, vận chuyển cây con/trồng, trồng dặm)
		Bảo vệ rừng (sau khi trồng)	Chăm sóc rừng năm trồng
2	2027	Bảo vệ rừng	Chăm sóc rừng trồng
3	2028	Bảo vệ rừng	Chăm sóc rừng trồng
4	2029	Bảo vệ rừng	
5	2030	Bảo vệ rừng	

1. Trách nhiệm của Công ty (giai đoạn thực hiện dự án):

Cung cấp cây giống keo lai AH7 đạt tiêu chuẩn, chất lượng và đúng số lượng theo hồ sơ thiết kế được duyệt để thực hiện trồng rừng kịp thời vụ.

Bàn giao hiện trường cho tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng kịp thời, đúng ranh giới theo bản đồ kèm theo hồ sơ được duyệt.

Cung cấp cho tổ chức, cá nhân hợp tác Hồ sơ thiết kế, dự toán và bản đồ thi công của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng từ sau khi trồng đến khi rừng trồng đưa vào khai thác.

Hướng dẫn kỹ thuật, giám sát quá trình thi công để tổ chức, cá nhân thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Đình chỉ thi công và chấm dứt hợp đồng khi tổ chức, cá nhân không tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật của Công ty.

Thực hiện nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) đối với phần công việc thuộc trách nhiệm Công ty thực hiện (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).

Cùng tổ chức, cá nhân nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu hàng năm và nghiệm thu hoàn thành dự án khi kết thúc đầu tư.

Phối hợp cùng tổ chức, cá nhân bán rừng khi đến thời gian khai thác, phân chia lợi nhuận từ tiền bán rừng sau khi hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng (giai đoạn thực hiện dự án):

Tổ chức thực hiện và chịu toàn bộ chi phí phần công việc thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng gồm: trồng rừng, chăm sóc rừng trồng. Thi công đúng biện pháp thi công, quy trình, yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thi công đã nêu trong hồ sơ thiết kế. Quản lý lao động trong quá trình thi công hạng mục công trình do tổ chức, cá nhân thực hiện.

Chỉnh sửa những sai sót trong quá trình thi công theo yêu cầu của cán bộ kỹ thuật của Công ty khi kiểm tra, giám sát xét thấy thi công chưa đúng yêu cầu kỹ thuật thi công quy định tại Phần II hoặc khi hội đồng nghiệm thu kiểm tra nhận thấy thi công chưa đáp ứng điều kiện nghiệm thu quy định tại Phần III.

Tham gia chữa cháy rừng kịp thời khi được Công ty huy động.

Cùng Công ty nghiệm thu hạng mục, nghiệm thu hàng năm và nghiệm thu khi kết thúc giai đoạn đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

Thực hiện nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ theo pháp luật quy định khác (chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, thuế TNCN...) thuộc phần công việc do tổ chức, cá nhân thực hiện.

Tham gia cùng Công ty bán rừng khi rừng trồng đến thời gian khai thác.

Tham gia cùng Công ty phân chia lợi nhuận khi cả hai bên hoàn thành nghĩa vụ tài chính thuộc trách nhiệm của mình.

PHẦN II

YÊU CẦU KỸ THUẬT THI CÔNG

1. Phát dọn thực bì thủ công toàn diện:

- Thời gian xử lý: xử lý thực bì toàn diện trước khi trồng vào khoảng tháng 6.
- Kỹ thuật xử lý: phát dọn thực bì toàn diện, phát sát gốc; băm dập thành những đoạn ngắn. Hạn chế đốt thực bì trước khi trồng, trường hợp đốt thực bì phải đốt theo băng, theo đám và đốt có kiểm soát.

* Công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy rừng: trong quá trình xử lý thực bì trồng rừng, những nơi có thực bì nhiều gai, dày đặc cần thiết phải đốt dọn thực bì mới trồng rừng được thì:

- Trước khi đốt: phải làm đường băng cản lửa thủ công bao xung quanh để chống cháy lan, tùy theo mức độ vật liệu cháy, đường ranh có chiều rộng tối thiểu 4m; báo cáo thời gian, địa điểm cho Công ty là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương, để kiểm tra về công tác an toàn phòng cháy chữa cháy trước khi đốt.
- Khi đốt: chọn thời gian đốt hợp lý (buổi sáng, chiều tối, khi lặng gió), đốt ở những nơi xung yếu, dễ cháy lan trước đồng thời phải có đủ lực lượng canh phòng cùng các trang thiết bị, dụng cụ chữa cháy.

2. Làm đất:

Làm đất cục bộ bằng thủ công, đào hố phải đúng qui cách thiết kế:

- Cuốc hố thủ công kích thước 30 x 30 x 30 cm: cuốc hố theo đúng cự ly (hàng cách hàng 2,0m, hố cách hố 1,5m), đúng theo hàng định vị đã thiết kế tại bản đồ thiết kế, bản vẽ thi công kèm theo hồ sơ. Đảm bảo kích thước 30 x 30 x 30 cm (sai lệch về thể tích không quá 20%). Đất đào lên để cạnh miệng hố, để ải từ 7 đến 10 ngày.

- Lắp hố kích thước 30 x 30 x 30 cm: Rẫy cỏ xung quanh miệng hố, đập nhỏ những cục đất to, cuốc xới đất mặt và lấp hố (đất lấp gần ngang miệng hố).

3. Mật độ trồng: Áp dụng mật độ: 3.333 cây/ha, cự ly như sau:

- + Hàng cách hàng : 2,0 m.
- + Cây cách cây : 1,5 m.

4. Phương thức và phương pháp trồng:

- Phương thức trồng: Trồng thuần loại cây Keo lai
- Phương pháp trồng: Trồng bằng cây con ươm trong túi bầu Polyetylen (P.E).

5. Vận chuyển cây con và trồng cây:

- Vận chuyển: Tưới nước đủ ẩm 01 đêm trước khi bốc xếp cây. Khi vận chuyển, bốc xếp chú ý những yêu cầu sau:

+ Vận chuyển cây lên vị trí trồng, rải cây theo hố (không được làm vỡ bầu và thay đổi hình dạng bầu; không làm dập lá, gãy ngọn).

+ Khi cây chưa trồng phải đặt nơi râm mát và tưới nước đảm bảo độ ẩm, dinh dưỡng cho cây trồng. Bảo vệ cây giống không bị gia súc phá hoại.

+ Trước khi bóc dỡ cây đem trồng ruột bầu phải ẩm, không bị khô.

- Trồng cây:

+ Trồng cây vào những ngày râm mát, mưa nhỏ hoặc nắng nhẹ và đất trong hố phải đủ ẩm (Tránh ngày nắng nóng trên 30°C hoặc gió bão).

+ Rải cây giống đến đâu, trồng ngay đến đó và trồng hết trong ngày. Dùng dụng cụ như cuốc, xẻng,...đào giữa hố trồng có kích thước rộng hơn và sâu hơn bầu cây để trồng.

+ Khi trồng phải bóc vỏ bầu (bầu nilon), đặt cây thẳng đứng vào giữa hố, lấp đất đầy hố cao hơn cổ rễ từ 01 đến 02 cm, lèn chặt đất xung quanh bầu, tránh làm vỡ bầu; nếu địa hình bằng phẳng, lấp hố đầy hình mâm xôi cho thoát nước; nơi địa hình dốc, lấp hố thấp hơn hoặc bằng miệng hố để giữ ẩm. Thu gom vỏ bầu sau khi trồng, đảm bảo vệ sinh môi trường.

6. Thời vụ trồng và trồng dặm:

- Thời vụ trồng: trồng vào mùa mưa giông, tháng 05 – tháng 07. Sau khi trồng, cần tiến hành theo dõi chăm sóc cây trồng.

- Trồng dặm: sau khi trồng 01 tháng phải kiểm tra để kịp phát hiện những cây đã bị chết, bị gãy, cây bị tổn thương nặng, tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành trồng dặm để đạt tỷ lệ cây sống cao (đảm bảo tỷ lệ cây sống bình thường đạt $\geq 85\%$ mật độ thiết kế). Cây trồng dặm phải đạt tiêu chuẩn xuất vườn theo quy định.

7. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất (2026):

a. Phát chăm sóc thủ công:

- Số lần chăm sóc: 02 lần (sau khi trồng từ 1 - 2 tháng, tiến hành chăm sóc).

- Thời gian chăm sóc: lần 01 khoảng thời gian tháng 8 đến tháng 9; lần 02 từ tháng 11 đến tháng 12;

- Yêu cầu kỹ thuật phát chăm sóc: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích.

b. Xới vun gốc cây trồng: 01 lần.

- Thời gian thi công: khoảng thời gian tháng 8 - tháng 9.

- Yêu cầu kỹ thuật: đường kính xới vun gốc từ 0,6m - 0,8m; rẫy sạch cỏ và xới quanh gốc; gốc vun hình mũi rùa.

c. Bảo vệ rừng trồng:

- Thời gian: tháng 8 - tháng 12, là khoảng thời gian sau khi hoàn thành hạng mục trồng rừng;

- Yêu cầu: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời; thực hiện các giải pháp phòng chống cháy, phòng chống các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng...

8. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ 2, thứ 3 (năm 2027 - 2028)

8.1. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ hai (2027):

a. Phát chăm sóc thủ công: phát chăm sóc rừng trồng 02 lần/năm, cụ thể:

- Thời gian thi công: lần 01 khoảng thời gian tháng 2 - tháng 5; lần 02 vào khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11.

- Yêu cầu kỹ thuật: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích.

b. Xới vun gốc cây trồng: 01 lần.

- Thời gian thi công: khoảng thời gian tháng 2 - tháng 5.

- Yêu cầu kỹ thuật: đường kính xới vun gốc từ 0,6m - 0,8m; rẫy sạch cỏ và xới quanh gốc; gốc vun hình mũi rùa.

c. Bảo vệ rừng:

- Thời gian bảo vệ: từ tháng 01 - tháng 12.

- Yêu cầu: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời; thực hiện các giải pháp phòng chống cháy, phòng chống các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng...

8.2. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ 3 (2028):

a. Phát chăm sóc thủ công: phát chăm sóc rừng trồng 02 lần/năm, cụ thể:

- Thời gian thi công: lần 01 khoảng thời gian tháng 2 - tháng 5; lần 02 vào khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11.

- Yêu cầu kỹ thuật: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích.

b. Bảo vệ rừng:

- Thời gian bảo vệ: từ tháng 01- tháng 12.

- Yêu cầu: Canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời; thực hiện các giải pháp phòng chống cháy, phòng chống các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng...

PHẦN III

ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

Nghiệm thu theo quy định ban hành tại Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp, cụ thể như sau:

TT	HẠNG MỤC	TIÊU CHUẨN NGHIỆM THU	GHI CHÚ
A	Năm 2026		
I	Trồng rừng		
1	Xử lý thực bì	- Thời gian xử lý: xử lý thực bì toàn diện trước khi trồng. - Kỹ thuật xử lý: phát dọn thực bì toàn diện, phát sát gốc; băm dập thành những đoạn ngắn. Hạn chế đốt thực bì trước khi trồng, trường hợp đốt thực bì phải đốt theo băng, theo đám và đốt có kiểm soát. * Công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy rừng: trong quá trình xử lý thực bì trồng rừng, những nơi có thực bì nhiều gai, dày đặc cần thiết phải đốt dọn thực bì mới trồng rừng được thì: - Trước khi đốt: phải làm đường băng cản lửa thủ công bao xung quanh để chống cháy lan, tùy theo mức độ vật liệu cháy, đường ranh có chiều rộng tối thiểu 4m; báo cáo thời gian, địa điểm cho Công ty là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương, để kiểm tra về công tác an toàn phòng cháy chữa cháy trước khi đốt. - Khi đốt: chọn thời gian đốt hợp lý (buổi sáng, chiều tối, khi lặng gió), đốt ở những nơi xung yếu, dễ cháy lan trước đồng thời phải có đủ lực lượng canh phòng cùng các trang thiết bị, dụng cụ chữa cháy.	- Đạt mới nghiệm thu và cho phép thực hiện các hạng mục công việc tiếp theo - Không đạt bắt buộc phải làm lại cho đến khi đạt. <u>Ghi chú:</u> Khi xử lý thực bì bằng phương pháp đốt dọn thì phải được phép của Công ty.

2	Làm đất	Làm đất: Làm đất cục bộ bằng thủ công, đào hố phải đúng qui cách thiết kế: - Cuốc hố thủ công kích thước 30 x 30 x 30 cm: cuốc hố theo đúng cự ly (hàng cách hàng, hố cách hố), đúng theo hàng định vị đã thiết kế tại bản đồ thiết kế, bản vẽ thi công kèm theo hồ sơ. Đảm bảo kích thước 30 x 30 x 30 cm (sai lệch về thể tích không quá 20%). Đất đào lên để cạnh miệng hố. - Phơi ải khoảng 7 – 10 ngày. - Lấp hố kích thước 30 x 30 x 30 cm: đẩy cỏ xung quanh miệng hố, đập nhỏ những cục đất to, cuốc xới đất mặt và lấp hố (đất lấp gần ngang miệng hố).	- Đạt mới nghiệm thu và được phép thi công các hạng mục công việc tiếp theo. - Không đạt không nghiệm thu và buộc phải sửa chữa sai sót cho đến khi đạt mới được thi công hạng mục tiếp theo.
3	Vận chuyển cây con và trồng cây:	Vận chuyển cây con và trồng cây: - Vận chuyển: Tưới nước đủ ẩm 01 đêm trước khi bốc xếp cây. Khi vận chuyển, bốc xếp chú ý những yêu cầu sau: + Vận chuyển cây lên vị trí trồng, rải cây theo hố (Không được làm vỡ bầu và thay đổi hình dạng bầu; không làm dập lá, gãy ngọn). + Khi cây chưa trồng phải đặt nơi râm mát và tưới nước đảm bảo độ ẩm, dinh dưỡng cho cây trồng. Bảo vệ cây giống không bị gia súc phá hoại. + Trước khi bốc dỡ cây đem trồng ruột bầu phải ẩm, không bị khô. - Trồng cây: + Trồng cây vào những ngày râm mát, mưa nhỏ hoặc nắng nhẹ và đất trong hố phải đủ ẩm (Tránh ngày nắng nóng trên 30°C hoặc gió bão). + Rải cây giống đến đâu, trồng ngay đến đó và trồng hết trong ngày.	- Đạt mới nghiệm thu và được phép thi công các hạng mục công việc tiếp theo. - Không đạt không nghiệm thu và buộc phải sửa chữa sai sót cho đến khi đạt mới được thi công hạng mục tiếp theo.

		Dùng dụng cụ như cuốc, xẻng,...đào giữa hố trồng có kích thước rộng hơn và sâu hơn bầu cây để trồng. + Khi trồng phải bóc vỏ bầu (bầu nilon), đặt cây thẳng đứng vào giữa hố, lấp đất đầy hố cao hơn cổ rễ từ 01 đến 02 cm, lèn chặt đất xung quanh bầu, tránh làm vỡ bầu; nếu địa hình bằng phẳng, lấp hố đầy hình mâm xôi cho thoát nước; nơi địa hình dốc, lấp hố thấp hơn hoặc bằng miệng hố để giữ ẩm. Thu gom vỏ bầu sau khi trồng, đảm bảo vệ sinh môi trường.	
4	Trồng dặm:	Trồng dặm: sau khi trồng 01 tháng phải kiểm tra để kịp phát hiện những cây đã bị chết, bị gãy, cây bị tổn thương nặng, tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành trồng dặm để đạt tỷ lệ cây sống cao (đảm bảo tỷ lệ cây sống bình thường đạt $\geq 85\%$ mật độ thiết kế). Cây trồng dặm phải đạt tiêu chuẩn xuất vườn theo quy định	Đạt: nghiệm thu, Không đạt: không nghiệm thu.
5	Chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất (2026):	Chăm sóc 02 lần	
5.1	Chăm sóc lần 1		
-	Phát chăm sóc	- Phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích. - Thời gian thi công: khoảng thời gian tháng 8 - tháng 9.	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu
-	Xới vun gốc cây trồng	- Xới vun gốc cây trồng với đường kính từ 0,6m - 0,8m; rẫy sạch cỏ và xới quanh gốc; gốc vun hình mui rùa - Thời gian thi công: khoảng thời gian tháng 8 - tháng 9.	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu

5.2	Chăm sóc lần 2		
	Phát chăm sóc	Phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu
6	Bảo vệ rừng	- Thời gian: tháng 8 - tháng 12, là khoảng thời gian sau khi hoàn thành hạng mục trồng rừng; - Yêu cầu: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời; thực hiện các giải pháp phòng chống cháy, phòng chống các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng...	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu
B	NĂM 2027		
I	Chăm sóc rừng trồng	Chăm sóc 2 lần	
1	Chăm sóc lần 1		
		a. Phát chăm sóc: - Thời gian thi công: lần 01 khoảng thời gian tháng 2 - tháng 5. - Yêu cầu kỹ thuật: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích. b. Xới vun gốc cây trồng: - Thời gian thi công: khoảng thời gian tháng 2 - tháng 5. - Yêu cầu kỹ thuật: đường kính xới vun gốc từ 0,6m - 0,8m; rẫy sạch cỏ và xới quanh gốc; gốc vun hình mũi rùa.	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu.

2	Chăm sóc lần 2		
		- Thời gian thi công: vào khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11. - Yêu cầu kỹ thuật: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích.	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu.
3	Bảo vệ rừng		
		- Thời gian bảo vệ: từ tháng 01 - tháng 12. - Yêu cầu: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời; thực hiện các giải pháp phòng chống cháy, phòng chống các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng...	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu.
C	NĂM 2028		
I	Chăm sóc rừng trồng	Chăm sóc 2 lần	
1	Chăm sóc lần 1		
		- Thời gian thi công: lần 01 khoảng thời gian tháng 2 - tháng 5. - Yêu cầu kỹ thuật: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng; thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm dập, rải đều trên toàn bộ diện tích.	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu.
2	Chăm sóc lần 2		
		- Thời gian thi công: vào khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11. - Yêu cầu kỹ thuật: phát các loại thực bì như dây leo, cỏ dại, cây bụi ...và tháo gỡ dây leo quấn cây trồng;	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu.

		thực bì được phát chặt sát gốc, gốc chừa thực bì $\leq 15\text{cm}$, băm đập, rải đều trên toàn bộ diện tích.	
3	Bảo vệ rừng		
		- Thời gian bảo vệ: từ tháng 01 - tháng 12. - Yêu cầu: canh gác, phát hiện, ngăn ngừa sự phá hại của người và gia súc, phát hiện sâu bệnh hại, lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời; thực hiện các giải pháp phòng chống cháy, phòng chống các hành vi lấn chiếm rừng và đất rừng...	Đạt: Nghiệm thu; Không đạt: không nghiệm thu.

Ghi chú:

Ở tất cả các hạng mục thi công trên đây, khi nghiệm thu không đạt theo tiêu chuẩn nghiệm thu thì sẽ không được nghiệm thu và bắt buộc phải khắc phục, sửa chữa sai sót để nghiệm thu. Đối với các hạng mục công việc có tính liên tục, hạng mục này thi công hoàn thành được nghiệm thu mới được tiếp tục thi công các hạng mục công việc tiếp theo. Nếu thi công không đạt nhưng không khắc phục sửa chữa thì Công ty sẽ đình chỉ thi công. Sau khi nhắc bằng văn bản mà tổ chức, cá nhân vẫn không thực hiện khắc phục thì sẽ bị xem xét chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư.

PHẦN IV

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN TRONG LỰA CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HỢP TÁC TRỒNG RỪNG

Tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng phải có năng lực về tài chính, có kinh nghiệm trong hoạt động trồng rừng loài cây keo lai và uy tín trong hoạt động hợp đồng hợp tác kinh doanh (có hồ sơ, tài liệu minh chứng cho từng nội dung nêu trên).

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân được xét chọn theo thứ tự ưu tiên theo các tiêu chí sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân cư trú trên địa bàn thuộc xã/phường của tỉnh Khánh Hòa và lân cận với xã Trung Khánh Vĩnh nơi hiện trường hoạt động trồng rừng nhằm thuận tiện thu hút sử dụng, huy động nhân công tại địa bàn trong thi công trồng, chăm sóc rừng trồng và tham gia chữa cháy khi xảy cháy rừng.

2. Ưu tiên xét chọn tổ chức, cá nhân có phương án trong quá trình thi công sử dụng lao động là người địa phương, người dân tộc thiểu số sinh sống ở địa phương nơi đứng chân công trình.

3. Tổ chức, cá nhân có kinh nghiệm lâu năm trong hoạt động trồng rừng cây keo lai trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, am hiểu về thổ nhưỡng, thời tiết và thủy văn của địa phương; đã có hợp đồng hợp tác kinh doanh trồng rừng với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương hoặc hợp tác với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp.

PHẦN V
CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀ TỶ LỆ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

1. Chi phí đầu tư: Theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

TT	Hạng mục công việc	Giá trị dự toán		
		Tổng	Công ty	Tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng
1	Chi phí vật tư (cây giống)	184.220.748	184.220.748	
2	Nhân công trồng, chăm sóc	985.991.374		985.991.374
3	Nhân công bảo vệ rừng	134.134.480	134.134.480	
4	Chi phí chung	571.264.185	68.408.585	502.855.600
5	Chi phí quản lý	48.960.944	48.960.944	
6	Chi phí thiết kế dự toán	91.891.954	91.891.954	
7	Giá trị quyền sử dụng đất	71.434.286	71.434.286	
8	Chi phí BVR sau giai đoạn đầu tư	33.336.000	33.336.000	
TỔNG		2.121.233.971	632.386.997	1.488.846.974

2. Tỷ lệ phân phối lợi nhuận:

Sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến bán rừng trồng như chi phí lập phương án khai thác, chi phí định giá, chi phí đấu giá, phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất xác định tại thời điểm bán rừng trồng so với thời điểm lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật đầu tư xây dựng... phần còn lại phân phối theo tỷ lệ như sau:

TT	Thành phần tham gia	Tỷ lệ phân phối (%)	Chi chú
1	Công ty	30,00	
2	Tổ chức, cá nhân	70,00	
	Tổng	100,00	

PHẦN VI BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA HỢP TÁC TRỒNG RỪNG

....., ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu của dự án ____ [*ghi tên dự án*] do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương (sau đây gọi tắt là Công ty) phát hành ngày ____ [*ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu*], chúng tôi, ____ [*ghi tên tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia hợp tác trồng rừng*] nộp đơn đăng ký tham gia hợp tác trồng rừng đối với dự án nêu trên và cam kết thực hiện công việc được phân công theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu thuộc dự án nêu trên. Đơn đăng ký này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

I. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Email (nếu có):
- Số CCCD/Mã số doanh nghiệp:
- Người đại diện (đối với tổ chức):
- Chức vụ:

II. CAM KẾT

Chúng tôi cam kết:

- Đã nghiên cứu đầy đủ nội dung Hồ sơ yêu cầu và tự chịu trách nhiệm về tính phù hợp của hồ sơ đăng ký tham gia hợp tác trồng rừng.
- Có đủ năng lực tài chính để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng theo Hồ sơ yêu cầu.
- Có đủ nhân lực, kinh nghiệm và khả năng tổ chức thi công để thực hiện các công việc gồm: Phát dọn thực bì trước khi trồng; Cuốc hố; Lấp hố; Trồng rừng; Trồng dặm; Chăm sóc rừng trồng năm 2026, 2027 và 2028;
- Các nghĩa vụ khác thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng theo Hồ sơ yêu cầu.

- Cam kết thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn nghiệm thu, tiến độ thi công và các quy định khác được nêu trong Hồ sơ yêu cầu.

- Cam kết những thông tin, tài liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký là trung thực, chính xác và hợp pháp. Nếu có thông tin sai lệch dẫn đến làm ảnh hưởng đến kết quả lựa chọn, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

- Trường hợp được lựa chọn, chúng tôi cam kết ký kết và thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo đúng nội dung Hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đăng ký đã nộp.

III. HỒ SƠ KÈM THEO

- Thông tin tổ chức, cá nhân.
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính.
- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm trồng rừng.
- Phương án tổ chức thực hiện.
- Các tài liệu khác (nếu có).

Xin trân trọng cảm ơn./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

[Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức)]

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THAM GIA HỢP TÁC TRỒNG RỪNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở:
3. Số điện thoại:
4. Địa chỉ thư điện tử (nếu có):
5. Số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân):
- Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập (đối với tổ chức):
 - Số:
 - Ngày cấp:
 - Cơ quan cấp:
8. Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
 - Số điện thoại:

II. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao có công chứng CCCD (đối với cá nhân).
2. Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương (đối với tổ chức).
3. Các tài liệu khác (nếu có).

Tôi cam kết các thông tin kê khai trên là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu có)

NĂNG LỰC KINH NGHIỆM HỢP TÁC TRỒNG RỪNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên tổ chức/cá nhân:**I. KINH NGHIỆM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC TƯƠNG TỰ**

Kê khai các công việc, dự án, hợp đồng đã và đang thực hiện trong lĩnh vực trồng rừng, chăm sóc rừng, bảo vệ rừng hoặc các hoạt động lâm nghiệp khác.

STT	Tên công việc/dự án/hợp đồng	Chủ đầu tư/đối tác	Địa điểm thực hiện	Nội dung thực hiện	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
1								
2								
...								

II. KINH NGHIỆM HỢP TÁC VỚI CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRÀM HƯƠNG (NẾU CÓ)

STT	Tên hợp đồng/công việc	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Kết quả thực hiện
1				
2				
...				

III. TÀI LIỆU MINH CHỨNG KÈM THEO (NẾU CÓ)

- Hợp đồng.
- Biên bản nghiệm thu.
- Biên bản thanh lý hợp đồng.
- Văn bản xác nhận của chủ đầu tư hoặc đối tác.
- Tài liệu khác (nếu có).

IV. CAM KẾT

Tôi/Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai trên là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên tổ chức/cá nhân: ____

I. THÔNG TIN NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

1. Đối với cá nhân

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị tài sản sở hữu (nếu có)	
2	Số dư tiền gửi ngân hàng hoặc tài sản có khả năng huy động phục vụ thực hiện hợp đồng hợp tác trồng rừng	
3	Các khoản nợ phải trả (nếu có)	
4	Giá trị nguồn lực tài chính dự kiến bố trí để thực hiện hợp đồng hợp tác trồng rừng	

2. Đối với tổ chức

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ	
2	Vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính gần nhất	
3	Doanh thu năm gần nhất	
4	Giá trị nguồn lực tài chính dự kiến bố trí để thực hiện hợp đồng hợp tác trồng rừng	

II. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

STT	Nguồn vốn	Giá trị (đồng)
1	Vốn tự có	
2	Vốn vay (nếu có)	
3	Nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có)	
T	Tổng cộng	

III. CÁC HỢP ĐỒNG, CAM KẾT TÀI CHÍNH ĐANG THỰC HIỆN (NẾU CÓ)

STT	Tên công việc/hợp đồng đang thực hiện	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

IV. TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

1. Đối với cá nhân

- Sao kê tài khoản ngân hàng;
- Giấy xác nhận số dư tài khoản;
- Tờ khai quyết toán thuế hoặc tài liệu tương đương;
- Tài liệu khác.

2. Đối với tổ chức

- Báo cáo tài chính năm gần nhất;
- Tờ khai quyết toán thuế hoặc tài liệu tương đương;
- Tài liệu khác.

V. CAM KẾT

Tôi/Chúng tôi cam kết có đủ khả năng tài chính để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của mình theo hợp đồng hợp tác trồng rừng; các thông tin kê khai là trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên; Đóng dấu đối với tổ chức)

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổ chức/cá nhân:

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số điện thoại:
- Người đại diện (đối với tổ chức):
- Khu vực cư trú/trụ sở chính so với hiện trường dự án:
- Khoảng cách từ nơi cư trú/trụ sở đến hiện trường dự án: ____ km.
- ...

2. Tổng quan về dự án: *Ghi một số nội dung của dự án theo HSYC.***II. NHÂN LỰC DỰ KIẾN HUY ĐỘNG**

1. Nhân lực chủ chốt

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi thường trú	Kinh nghiệm trồng rừng (năm)	Nhiệm vụ dự kiến
1					
2					
3					

2. Nhân lực dự kiến huy động

STT	Nội dung	Số lượng lao động
1	Lao động thường xuyên	
2	Lao động thời vụ	
3	Lao động địa phương tại xã nơi thực hiện dự án	
4	Lao động là người dân tộc thiểu số	
	Tổng cộng	

III. MÁY MÓC, THIẾT BỊ, CÔNG CỤ DỰ KIẾN HUY ĐỘNG

STT	Tên máy móc, thiết bị, công cụ	Số lượng	Hiện có	Thuê hoặc huy động thêm
1	Dao, rựa phát thực bì			
2	Cuốc			
3	Xe tải hoặc phương tiện cơ giới vận chuyển cây			
4	Dụng cụ chữa cháy rừng			
5	Thiết bị, công cụ khác			
...				

IV. KẾ HOẠCH THI CÔNG

1. Công tác trồng rừng

Nội dung công việc	Nhân lực dự kiến (người)	Biện pháp thi công	Thời gian thực hiện
Xử lý thực bì			
Cuốc, lấp hố			
Vận chuyển cây giống và trồng, trông dặm			
...			

2. Công tác chăm sóc rừng trồng

Nội dung công việc	Nhân lực dự kiến (người)	Biện pháp thi công	Thời gian thực hiện
Chăm sóc năm 2026 (năm trồng) - Phát chăm sóc lần 1 - Xới vun gốc cây trồng - Phát chăm sóc lần 2 - ...			
Chăm sóc năm 2027 - Phát chăm sóc lần 1 - Phát chăm sóc lần 2 - Xới vun gốc cây trồng - ...			
Chăm sóc năm 2028 - Phát chăm sóc lần 1 - Phát chăm sóc lần 2 - Xới vun gốc cây trồng - ...			

3. Công tác phối hợp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng

Số lao động có thể huy động khi xảy ra cháy rừng: ____ người.

Thời gian có thể tập trung lực lượng sau khi nhận thông báo: ____ giờ.

Nội dung khác (nếu có):

V. KẾ HOẠCH VỀ TÀI CHÍNH THI CÔNG

Nguồn tài chính dự kiến để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân:

Giá trị dự kiến huy động: ____ đồng.

VI. CAM KẾT

Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đầy đủ các công việc thuộc trách nhiệm của tổ chức/ cá nhân theo Hồ sơ yêu cầu và hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết.
- Bố trí đủ nhân lực, nguồn lực tài chính để thực hiện dự án.
- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương theo phương án đã đăng ký.
- Tham gia chữa cháy rừng khi được Công ty huy động.
- Chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin kê khai.
- Không chuyển nhượng hoặc giao toàn bộ phần công việc thuộc trách nhiệm của mình cho tổ chức/ cá nhân khác.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu đối với tổ chức)

Các cá nhân tham gia lập hồ sơ đã rà soát, thống nhất toàn bộ nội dung Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng đối với Hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích 27,78 ha và đề nghị Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương xem xét, phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định.

Hồ sơ yêu cầu này được lập bởi:

THÀNH PHẦN THAM GIA



Lê Hàng Thúy Hồng

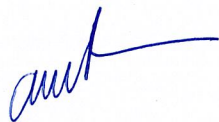


Cao Ngọc Khoa

CHỦ TRÌ



Hoàng Văn Nghị



Nguyễn Thụy Hải Duyên

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 06 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU

**lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế -
kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026
hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha**

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương

Trên cơ sở Tờ trình về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, các cá nhân được giao nhiệm vụ thẩm định đã tiến hành thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha.

Kết quả thẩm định Hồ sơ yêu cầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Hồ sơ yêu cầu được thẩm định trên cơ sở căn cứ pháp lý sau đây:

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất 2026 diện tích 27,78 ha - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT);

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương Về việc giao nhiệm vụ lập, thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-LNTH ngày 20/04/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương về việc phê duyệt Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương;

Căn cứ Kế hoạch số 929/KH-LNTH ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương về Khai thác và trồng lại rừng trồng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Hương năm 2026;

Căn cứ Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha.

2. Giới thiệu về công trình

1. Tên công trình: Trồng rừng sản xuất 2026 - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT).
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.
3. Hình thức đầu tư: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
4. Địa điểm xây dựng: Khoảnh 7, tiểu khu 124, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.
5. Diện tích thiết kế trồng rừng: 27,78 ha.
6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn của doanh nghiệp (bao gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và vốn do doanh nghiệp huy động thông qua hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh).
7. Tiến độ giải ngân:

ĐVT: đồng.

STT	Năm	Tổng dự toán	Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp	Vốn của đối tác
1	2025	84.356.500	84.356.500	
2	2026	1.273.643.298	258.855.333	1.014.787.965
3	2027	409.398.415	94.241.867	315.156.548
4	2028	249.065.472	90.163.011	158.902.461
TỔNG		2.016.463.685	527.616.711	1.488.846.974

3. Tổ chức thực hiện thẩm định

a) Cơ sở pháp lý thực hiện thẩm định:

Việc thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 được thực hiện theo Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về việc giao nhiệm vụ thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất năm 2026.

b) Thành phần tham gia thẩm định:

*Số lượng, họ và tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên tham gia thẩm định tại **Bảng số 1**.*

Bảng số 1

TT	Họ và tên	Chức vụ	Phân công công việc
1	Triệu Văn Minh	Phó Giám đốc Công ty	Chủ trì
2	Nguyễn Văn Đồng	Kế toán trưởng	Phụ trách tài chính
3	Trương Thành Trung	Trưởng Phòng Hành chính – Nhân sự	Phụ trách pháp lý

c) Cách thức làm việc:

Ông Triệu Văn Minh chủ trì, tổ chức thẩm định Hồ sơ yêu cầu trên cơ sở nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm tổng hợp, rà soát và hoàn thiện Báo cáo thẩm định. Ông Nguyễn Văn Đồng và ông Trương Thành Trung tham gia thẩm định các nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn được phân công, phối hợp kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ của cơ sở pháp lý, sự phù hợp của nội dung Hồ sơ yêu cầu với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan. Sau khi hoàn thành việc thẩm định, các thành viên thống nhất nội dung Báo cáo thẩm định và trình Chủ tịch Công ty xem xét, quyết định theo quy định.

II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ yêu cầu được tổng hợp theo **Bảng số 02** dưới đây:

Bảng số 02

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
	[1]	[2]	[3]
1	- Quyết định số 170/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất 2026 diện tích 27,78 ha - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT)	X	
2	- Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về việc giao nhiệm vụ lập, thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất năm 2026	X	
3	- Quyết định số 284/QĐ-LNTH ngày 20/04/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về việc phê duyệt Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	X	
4	- Kế hoạch số 929/KH-LNTH ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về Khai thác và trồng lại rừng trồng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương năm 2026	X	
5	- Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 – hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha.	X	

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	
		Có	Không có
6	- Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha	X	

b) Ý kiến thẩm định về cơ sở pháp lý:

Hồ sơ yêu cầu thực hiện có đầy đủ cơ sở pháp lý theo quy định.

2. Nội dung của Hồ sơ yêu cầu

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung Hồ sơ yêu cầu:

Kết quả thẩm định về nội dung Hồ sơ yêu cầu được tổng hợp tại **Bảng số 03.**

Bảng số 03

Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
	Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
[1]	[2]	[3]
1. Nội dung dự án và trách nhiệm của các bên	X	
- Trách nhiệm của Công ty (giai đoạn thực hiện dự án)	X	
- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng (giai đoạn thực hiện dự án)	X	
2. Yêu cầu về kỹ thuật	X	
3. Điều kiện nghiệm thu	X	
4. Điều kiện năng lực và thứ tự ưu tiên trong lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác đầu tư	X	

b) Ý kiến thẩm định về nội dung không tuân thủ hoặc không phù hợp: Không có.

3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập Hồ sơ yêu cầu (nếu có): Không có.

4. Các nội dung liên quan khác: Không có.

III. Ý KIẾN BẢO LƯU CỦA THÀNH VIÊN THAM GIA THẨM ĐỊNH:
Không có.

IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung Hồ sơ yêu cầu

Hồ sơ yêu cầu được xây dựng đầy đủ, phù hợp với nội dung công trình đã được phê duyệt, bảo đảm cơ sở để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Kiến nghị

Các thành viên tham gia thẩm định kính đề nghị Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương xem xét phê duyệt Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi các cá nhân được giao nhiệm vụ thẩm định theo Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.HC-NS; KH-TC; KT&QLBVR;
- Lưu VT.

CHỦ TRÌ



Triệu Văn Minh

THÀNH PHẦN THAM GIA



Trương Thành Trung



Nguyễn Văn Đồng

Phụ lục**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ YÊU CẦU**

Quyết định số 284/QĐ-LNTH ngày 20/04/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về việc phê duyệt Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về việc giao nhiệm vụ thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất năm 2026.

Kế hoạch số 929/KH-LNTH ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về Khai thác và trồng lại rừng trồng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương năm 2026.

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 – hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích 27,78 ha được phê duyệt tại Quyết định số 170/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh để trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha.

Tờ trình phê duyệt Hồ sơ yêu cầu.

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 04 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu

**lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng rừng sản xuất năm 2026
hồ sơ số 08/2026/TRSX, diện tích: 27,78 ha**

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương

Phòng Kỹ thuật và QLБVR chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính kính trình Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương xem xét, phê duyệt hồ sơ yêu cầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất 2026 diện tích 27,78 ha - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT);

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Về việc giao nhiệm vụ lập, thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 929/KH-LNTH ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương về Khai thác và trồng lại rừng trồng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương năm 2026.

2. Giới thiệu về công trình

1. Tên công trình: Trồng rừng sản xuất 2026 - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

3. Hình thức đầu tư: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

4. Địa điểm xây dựng: Khoảnh 7, tiểu khu 124, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

5. Diện tích thiết kế trồng rừng: 27,78 ha.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn của doanh nghiệp (bao gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và vốn do doanh nghiệp huy động thông qua hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh).

7. Tiến độ giải ngân:

ĐVT: đồng.

STT	Năm	Tổng dự toán	Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp	Vốn của đối tác
1	2025	84.356.500	84.356.500	
2	2026	1.273.643.298	258.855.333	1.014.787.965
3	2027	409.398.415	94.241.867	315.156.548
4	2028	249.065.472	90.163.011	158.902.461
TỔNG		2.016.463.685	527.616.711	1.488.846.974

3. Tổ chức lập Hồ sơ yêu cầu

a) Cơ sở thực hiện:

Việc lập Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất được thực hiện theo Quyết định số 173/QĐ-LNTH ngày 21/03/2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Về việc giao nhiệm vụ lập, thẩm định Hồ sơ yêu cầu lựa chọn tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng sản xuất năm 2026.

b) Thành phần tham gia lập Hồ sơ yêu cầu:

*Thành phần tham gia lập Hồ sơ yêu cầu và phân công nhiệm vụ cụ thể được thể hiện tại **Bảng số 01**.*

Bảng số 01

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Phân công công việc
1	Hoàng Văn Nghị	Trưởng phòng Kỹ thuật và Quản lý bảo vệ rừng	Chủ trì
2	Nguyễn Thụy Hải Duyên	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Phụ trách tài chính
3	Cao Ngọc Khoa	Nhân viên phòng Kỹ thuật và Quản lý bảo vệ rừng	Phụ trách kỹ thuật
4	Lê Hàng Thúy Hồng	Nhân viên phòng Kế hoạch – Tài chính	Phụ trách kế hoạch

c) Cách thức thực hiện:

Trưởng Phòng Kỹ thuật và Quản lý bảo vệ rừng chủ trì lập Hồ sơ yêu cầu, có trách nhiệm tổng hợp, rà soát và hoàn thiện các nội dung của Hồ sơ yêu cầu trên cơ sở ý kiến tham gia của các cá nhân được phân công thực hiện. Các cá nhân tham gia lập Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghiên cứu, tham mưu và đề xuất các nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn được phân công; phối hợp trao đổi, rà soát nhằm bảo đảm tính đầy đủ, phù hợp của Hồ sơ yêu cầu với kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan. Sau khi hoàn thiện, Hồ sơ yêu cầu được trình người có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ YÊU CẦU

1. Nội dung của hồ sơ yêu cầu

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN

PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

1. Trách nhiệm của Công ty (giai đoạn thực hiện dự án)
2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hợp tác trồng rừng (giai đoạn thực hiện dự án)

PHẦN II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Phát dọn thực bì thủ công toàn diện
2. Làm đất
3. Mật độ trồng
4. Phương thức và phương pháp trồng
5. Vận chuyển cây con và trồng cây
6. Thời vụ trồng và trồng dặm
7. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất (2026)
8. Chăm sóc, bảo vệ năm thứ 2, thứ 3 (năm 2027 - 2028)

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

PHẦN IV. ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN TRONG LỰA CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HỢP TÁC TRỒNG RỪNG

PHẦN V. CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀ TỶ LỆ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

PHẦN VI. BIỂU MẪU

2. Ý kiến bảo lưu của thành viên (nếu có): Không có

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Các cá nhân tham gia lập đã thống nhất toàn bộ nội dung của hồ sơ yêu cầu và kiến nghị chủ đầu tư xem xét, phê duyệt hồ sơ yêu cầu theo quy định.

Tờ trình này được lập tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương bởi các thành phần sau:

THÀNH PHẦN THAM GIA

CHỦ TRÌ



Lê Hàng Thúy Hồng



Cao Ngọc Khoa



Hoàng Văn Nghị



Nguyễn Thụy Hải Duyên

Số: 170/QĐ-LNTH

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 21 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Trồng rừng sản xuất 2026 diện tích 27,78 ha - Hồ sơ số 08/2026/TRSX
(Mã rừng: 26.08.S.CT)**

**CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP TRÀM HƯƠNG**

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024 của Chính phủ, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025, Nghị định số 227/2024/NĐ-CP ngày 16/08/2025 và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022, Thông tư số

24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 và Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về Lâm nghiệp;

Căn cứ Công văn số 3662/UBND-KT ngày 09/3/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v điều chỉnh nhiệm vụ trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 130/LNTH-KTh ngày 10/3/2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương V/v chuyển diện tích trồng rừng 144,84 ha bằng nguồn vốn tiền trồng rừng thay thế theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 sang trồng rừng theo hình thức Công ty tự đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Tổ Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh tại tờ trình ngày 13/03/2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình trồng rừng sản xuất năm 2026 - Hồ sơ 08/2026/TRSX; Báo cáo thẩm tra số 17a/BCTT-NTKH ngày 19/03/2026 của Công ty TNHH Nhật Tân KH; Báo cáo thẩm định của Tổ Thẩm định dự án đầu tư xây dựng ngày 20/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Trồng rừng sản xuất 2026 - Hồ sơ số 08/2026/TRSX (Mã rừng: 26.08.S.CT).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

3. Hình thức đầu tư: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương: bố trí đất để trồng rừng, chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục hồ sơ pháp lý liên quan theo quy định, cung cấp cây giống keo lai giâm hom, vận chuyển cây giống đến hiện trường trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng từ khi trồng đến khi thu hoạch.

- Bên đối tác: nhận cây giống tại hiện trường trồng rừng, chịu trách nhiệm trồng, chăm sóc rừng trong giai đoạn xây dựng cơ bản theo đúng biện pháp lâm sinh, quy trình kỹ thuật thiết kế được phê duyệt.

- Tỉ lệ phân phối: theo tỉ lệ giá trị đóng góp của mỗi bên.

Ghi chú: phần đóng góp của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương bao gồm giá trị quyền sử dụng đất trong thời gian đầu tư trồng rừng đến khi thu hoạch, chi phí bảo vệ rừng sau giai đoạn đầu tư cộng với chi phí đầu tư của Công ty theo phân công trách nhiệm như trên.

4. Địa điểm xây dựng: Khoảnh 7, tiểu khu 124, xã Trung Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

5. Diện tích thiết kế trồng rừng: 27,78 ha.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Tổ Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình lâm sinh trực thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

7. Loại, cấp công trình chính: Công trình lâm sinh - Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.

8. Mục tiêu công trình:

8.1. Về kinh tế: sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp Công ty đang quản lý, tăng thu nhập, lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn doanh nghiệp.

8.2. Về xã hội: tạo việc làm, thu nhập cho người lao động Công ty và người dân sinh sống trên địa bàn, hạn chế người dân tranh chấp đất rừng.

8.3. Về môi trường: sau thời gian 24 tháng, rừng khép tán tạo cảnh quan môi trường xanh xung quanh, đạt tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng trồng, phòng chống xói mòn...

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Quyết định số 4215/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2016. Bản đồ thiết kế: TCVN 11566:2016 (Bản đồ quy hoạch lâm nghiệp – Quy định về trình bày và thể hiện nội dung).

9.2. Tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Quyết định số 4150/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018. Nghiệm thu: TCVN 12509-1:2018. Rừng trồng - Nhóm loài cây sinh trưởng nhanh.

9.3. Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14290 -1:2024 Công trình lâm sinh - khảo sát và thiết kế phần 1: trồng rừng trên cạn.

9.4. Kỹ thuật trồng rừng cho 20 loài cây trồng lâm nghiệp chính ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-LN-PTR ngày 31/12/2024 của Cục Lâm nghiệp.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi chí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10.1. Tổng mức đầu tư xây dựng: **2.016.463.685 đồng.**

10.2. Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

a. Chi phí xây dựng: **1.875.610.787 đồng.**

b. Chi phí quản lý: **48.960.944 đồng.**

c. Chi phí thiết kế, dự toán: **91.891.954 đồng.**

11. Tiến độ thực hiện giai đoạn đầu tư: khởi công năm 2026, kết thúc năm 2028.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12.1. Nguồn vốn đầu tư: Vốn của doanh nghiệp (bao gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và vốn do doanh nghiệp huy động thông qua hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh).

12.2. Tiến độ giải ngân:

DVT: đồng.

STT	Năm	Tổng dự toán	Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp	Vốn của nhà đầu tư đối tác
1	2025	84.356.500	84.356.500	
2	2026	1.273.643.298	258.855.333	1.014.787.965
3	2027	409.398.415	94.241.867	315.156.548
4	2028	249.065.472	90.163.011	158.902.461
TỔNG		2.016.463.685	527.616.711	1.488.846.974

13. Hình thức tổ chức quản lý công trình được áp dụng: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

14. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

14.1. Năm 2026:

* Trồng rừng:

- Chọn loài cây trồng: Keo lai (Acacia mangium x Acacia auriculiformis), kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp giâm hom - Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14289:2024 về Cây giống lâm nghiệp - cây giống keo.

- Phát dọn thực bì thủ công toàn diện.

- Làm đất: Làm đất cục bộ bằng thủ công, đào hố 30 x 30 x 30 cm (sai lệch về thể tích không quá 20%); lấp hố kích thước 30 x 30 x 30 cm.

- Mật độ trồng: 3.333 cây/ha, cự ly hàng cách hàng 2m x cây cách cây 1,5m.

- Thời vụ trồng: trồng vào mùa mưa giông, tháng 05 – tháng 07.

- Phương thức và phương pháp trồng: Phương thức trồng thuần loại cây Keo lai; phương pháp trồng bằng cây con ươm trong túi bầu Polyetylen (P.E).

* Chăm sóc, bảo vệ năm thứ nhất:

- Phát chăm sóc thủ công 02 lần: lần 01 khoảng thời gian tháng 8 đến tháng 9; lần 02 từ tháng 11 đến tháng 12.

- Xới vun gốc cây trồng 01 lần: khoảng thời gian tháng 8 - tháng 9.

- Bảo vệ rừng trồng: tháng 8 - tháng 12, là thời gian sau khi hoàn thành hạng mục trồng rừng.

14.2. Năm 2027 - 2028

14.2.1. Năm 2027:

- Bảo vệ rừng: từ tháng 01 đến tháng 12.

- Chăm sóc: phát chăm sóc bằng thủ công rừng trồng 02 lần/năm (lần 01 vào khoảng thời gian từ tháng 02 - tháng 05; lần 02 vào khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11); xới vun gốc cây trồng 01 lần/năm (khoảng thời gian tháng 02 - tháng 05).

14.2.2. Năm 2028:

- Bảo vệ rừng: từ tháng 01 đến tháng 12.

- Chăm sóc: phát chăm sóc bằng thủ công rừng trồng 02 lần/năm (lần 01 vào khoảng thời gian từ tháng 02 - tháng 05; lần 02 vào khoảng thời gian từ tháng 10 - tháng 11).

* **Ghi chú:** Nội dung công việc cụ thể các hạng mục công việc từ năm 2026 đến 2028 được nêu rõ trong phần **giải pháp thi công** tại khoản 2 mục V của Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Trồng rừng sản xuất năm 2026 (Hồ sơ số 08/2026/TRSX_Mã rừng: 26.08.S.CT) của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Phòng Kỹ thuật & QLTVR chủ trì phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị trực thuộc Công ty có liên quan tìm đối tác cung cấp cây giống đạt chất lượng để ký kết hợp đồng cung ứng cây giống kịp thời đáp ứng tiến độ trồng rừng; lựa chọn đối tác, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hợp tác kinh doanh tham mưu, đề xuất Ban Giám đốc Công ty xem xét quyết định; triển khai thực hiện công trình trồng rừng bao gồm phần công việc thuộc trách nhiệm của Công ty và phần công việc thuộc trách nhiệm của bên đối tác; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thi công công trình tại hiện trường bảo đảm về tiến độ, khối lượng, chất lượng công trình thực hiện đúng thiết kế, yêu cầu kỹ thuật lâm sinh, hiệu quả đầu tư và tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước...

Phòng Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, kế toán các khoản chi phí đầu tư thuộc phần đóng góp của Công ty theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình được duyệt, chi phí bảo vệ rừng sau giai đoạn đầu tư; tính toán, phân phối thu nhập cho các bên khi thu hoạch sản phẩm.

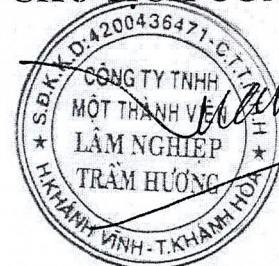
Điều 3. Trưởng các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Văn Trung

Số: 284/QĐ-LNTH

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026 – 2030
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP TRÂM HƯƠNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/CB ngày 03/4/2026 của Chi bộ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương về việc thông qua Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương;

Xét Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương do Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương trình tại Báo cáo số 183/BC-LNTH ngày 25/03/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương với những nội dung chính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

1. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương có trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác, trung thực các thông tin, số liệu báo cáo tại Chiến lược số 183/BC-LNTH ngày 25/03/2026.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 theo đúng quy định của pháp luật; việc đầu tư, xây dựng, mua sắm, thực hiện

các chương trình, dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải triển khai thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

- Theo dõi, giám sát tình hình thực hiện và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư 5 năm giai đoạn 2026-2030 và công khai thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

- Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 về UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương theo chức năng nhiệm vụ được phân công giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2026 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Lê Văn Trung

Số: 929 /KH-LNTH

Khánh Vĩnh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH

Khai thác và trồng lại rừng trồng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương năm 2026

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp: Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; các Nghị định sửa đổi, bổ sung: Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị Quyết số 93-NQ/CU ngày 05/11/2025 của Chi ủy Công ty Về việc điều chỉnh chỉ một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh ban hành tại Nghị Quyết số 03/NQ-CULNTH ngày 05/02/2025 của Chi bộ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương;

Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trâm Hương ban hành Kế hoạch khai thác và trồng lại rừng trồng sản xuất năm 2026 như sau:

I. Khai thác rừng trồng:

Diện tích rừng trồng sản xuất đưa vào khai thác trong năm 2026 là:

403,85 ha (397,04 ha rừng; 6,81 ha ranh cản lửa). Trong đó:

1. Rừng trồng hợp tác kinh doanh: tổng diện tích: 100,25 ha (98,94 ha rừng; 1,31 ha RCL), chia làm 04 hồ sơ như sau:

- **Phương án số 1:** Rừng trồng năm 2020 - Mã rừng 20.10.S.CH,

+ Tổng diện tích thiết kế là 138,15 ha (136,44 ha rừng; 2,15 ha RCL). Diện tích đã khai thác trong năm 2025 là 81,49 ha. Có 0,54 ha đã bị giải tỏa do ảnh hưởng đường dây điện của trạm phát sóng Viettel.

+ Diện tích còn lại thiết kế trong hồ sơ này là: **56,12** ha (rừng trồng: 55,02 ha; ranh cản lửa: 1,1 ha).

+ Địa điểm: Khoảnh 1, 2, 3, 4, 5/Tiểu khu 123 – Bắc Khánh Vĩnh;

+ Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: trước ngày 05/1/2026;

+ Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 10/01/2026;

- **Phương án số 2:** Rừng trồng năm 2020 – mã rừng 20.12.S.CH.

+ Diện tích theo hồ sơ thiết kế trồng rừng là: 20,94 ha (20,5 ha rừng trồng; 0,44

ha RCL), diện tích đã khai thác năm 2025: 2,61 ha (2,38 ha rừng; 0,23 ha RCL), diện tích còn lại lập phương án khai thác trong hồ sơ này: **18,33 ha** (18,12 ha rừng; 0,21 ha RCL).

- + Địa điểm: khoảnh 4, 5 / TK157, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 05/1/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 10/01/2026;

- Phương án số 09: Rừng trồng năm 2021 – mã rừng 21.08.S.CH,

- + Diện tích theo hồ sơ thiết kế trồng rừng là: 22 ha.
- + Địa điểm: khoảnh 2, 3, 5/TK157; khoảnh 1 /159D, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 25/04/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 30/04/2026;

- Phương án số 10: Rừng trồng năm 2020 – mã rừng 20.13.S.CH,

- + Diện tích theo hồ sơ thiết kế trồng rừng là: 3,80 ha.
- + Địa điểm: khoảnh 4 / TK128, xã Bắc Khánh Vĩnh.
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 05/05/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 20/05/2026;

2. Khai thác rừng trồng sản xuất 100% vốn Công ty: tổng diện tích: 304,13 ha (298,63 ha rừng; 5,50 ha ranh cản lửa), được chia làm 06 hồ sơ như sau:

- Phương án số 3: Rừng trồng sản xuất năm 2020 - Mã rừng 20.02.S.CT. Diện tích rừng trồng là: 74,99 ha (74,21 ha rừng; 0,78 ha RCL).

- + Diện tích lập phương án khai thác: 74,99 ha (74,21 ha rừng; 0,78 ha RCL).
- + Địa điểm: khoảnh 1, 2, 3/Tiểu khu 157; khoảnh 1/ tiểu khu KT159D – xã Trung Khánh Vĩnh.

- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 16/03/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 05/04/2026;
- + Thời gian dự kiến khai thác: 90 ngày

- Phương án số 4: Rừng trồng sản xuất năm 2020 - Mã rừng 20.03.S.CT. Tổng diện tích rừng trồng là: 124,34 ha (122,23 ha rừng; 2,11 ha RCL). Để tiếp cận được nhiều đối tượng khách hàng đa dạng hơn, rừng trồng được tách ra thành **02** phương án khai thác.

- + Diện tích được thiết kế trong phương án khai thác này (Phương án số 06) là: **51,25 ha** (49,87 ha rừng; 1,38 ha RCL), phần còn lại được thiết kế trong phương án số 07.

- + Địa điểm: Khoảnh 2, 3, 5 /Tiểu khu 157, K1/TK KT159D, xã Trung Khánh

Vĩnh.

- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 20/03/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 05/04/2026;
- + Thời gian dự kiến khai thác: 60 ngày.

- Phương án số 5: Rừng trồng năm 2020 - Mã rừng 20.03.S.CT.

+ Tổng diện tích trồng rừng 124,34 ha. Diện tích đưa vào thiết kế khai thác tại phương án số 06 là: 51,25 ha, diện tích thiết kế trong phương án này là: **73,09** ha (72,36 ha rừng; 0,73 ha RCL).

- + Địa điểm: Khoảnh 5/TK157, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 25/03/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 10/04/2026;
- + Thời gian dự kiến khai thác: 90 ngày.

- Phương án số 6: Rừng trồng sản xuất năm 2018 - Mã rừng 18.14.S.NC:

+ Tổng diện tích thiết kế là 38,44 ha (37,87 ha rừng; 0,57 ha RCL). Diện tích đã bị giải tỏa do ảnh hưởng đường dây điện công trình hồ chứa nước Sông Chò 1 là: 0,43 ha. Diện tích còn lại thiết kế trong hồ sơ này là: **38,01** ha (rừng trồng: 37,44 ha; ranh cản lửa: 0,57 ha).

- + Địa điểm: khoảnh 2 /Tiểu khu 123 – xã Bắc Khánh Vĩnh.
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 25/03/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 10/04/2026;
- + Thời gian dự kiến khai thác: 60 ngày.

- Phương án số 7: Rừng trồng năm 2020 - Mã rừng 20.04.S.CT; Tổng diện tích thiết kế trồng rừng là: 66,79 ha (64,75 ha rừng; 2,04 ha RCL).

Do rừng trồng được trồng tại 02 địa điểm cách xa nhau nên để thuận tiện trong quá trình quản lý giám sát công tác khai thác, rừng trồng được chia làm 2 phương án khai thác như sau:

- + Diện tích lập trong phương án này là: **30,71** ha (30,20 ha rừng; 0,51 ha RCL).
- + Địa điểm: Khoảnh 1, 3 /Tiểu khu 124 xã Trung Khánh Vĩnh, khoảnh 7, tiểu khu 119, xã Bắc Khánh Vĩnh;
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 30/03/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 20/04/2026;
- + Thời gian dự kiến khai thác: 60 ngày.

- Phương án số 8: Rừng trồng năm 2020 - Mã rừng 20.04.S.CT;

+ Diện tích đã lập hồ sơ khai thác trong phương án **số 08** là: 30,18 ha. Diện tích lập trong hồ sơ này là: **36,08** ha (34,55 ha rừng; 1,53 ha RCL).

- + Địa điểm: Khoảnh 1 /Tiểu khu 131, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Thời gian hoàn thành lập PA khai thác: ngày 30/03/2026;
- + Thời gian hoàn thành lựa chọn người mua và bàn giao rừng: 20/04/2026;
- + Thời gian dự kiến khai thác: 60 ngày.

II. Trồng lại rừng sau khai thác: Tổng diện tích trồng lại rừng năm 2026 là: 930,57 ha, trong đó: diện tích dự kiến trồng rừng: 904,09 ha; diện tích ranh cản lửa rừng trồng cũ, các khe, gộp, quy hoạch quốc phòng ...không thể trồng phải chừa lại là: 26,48 ha. Đối với diện tích đã khai thác trong năm 2024, 2025 và diện tích sẽ hoàn thành khai thác sớm trong năm 2026 bố trí trồng mùa mưa giống năm 2026, diện tích không khai thác kịp để trồng trong mùa mưa giống bố trí trồng mùa mưa chính năm 2026, cụ thể như sau.

1. Trồng rừng mùa mưa giống: (Trồng trên diện tích đã khai thác năm 2024, 2025): 397,40 ha, dự kiến thiết kế trồng trong 09 hồ sơ như sau:

- **Hồ sơ số 01:** Mã rừng cũ: 19.13.S.CT (98,5 ha) và 20.12.S.CH (20,94 ha). Công trình đã thực hiện thiết kế trong năm 2025 để trồng trong mùa mưa giống năm 2026. Diện tích thiết kế trồng rừng: **48,50 ha** (mã rừng 19.13.S.CT: 46,12 ha; mã rừng 20.12.S.CH: 2,38 ha), diện tích chừa lại không trồng do khe suối, gộp đá và ranh cản lửa cũ: 0,42 ha. Chừa do vương hành lang đường điện và nương rẫy của người dân 1,21 ha.

+ Địa điểm: khoảnh 3, 5 / tiểu khu 123; khoảnh 1 / tiểu khu KB152C, xã Bắc Khánh Vĩnh.

+ Thời gian hoàn thành hồ sơ thiết kế trồng rừng: (hồ sơ đã thiết kế trong năm 2025);

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 01 (Đ/c: Đức);

- **Hồ sơ số 02:** Mã rừng cũ: 19.13.S.CT (Diện tích hồ sơ gốc: 98,5 ha). Đã thiết kế trong **hồ sơ số 01** là 47,52 ha (diện tích trồng rừng 46,12 ha; diện tích không trồng: 1,40 ha). Diện tích thiết kế trồng rừng trong hồ sơ này: 50,17 ha. Diện tích ranh cản lửa của rừng trồng cũ: 0,76 ha và 0,05 ha gộp đá không trồng.

+ Địa điểm: khoảnh 3, 5 / tiểu khu 123, xã Bắc Khánh Vĩnh.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 01 (Đ/c: Đức);

- **Hồ sơ số 03:** Mã rừng cũ: 19.21.S.CT. Diện tích đất trống sau khai thác là: 121,05 ha; diện tích rừng sau khai thác năm 2025 là 117,27 ha, diện tích không có rừng 1,3 ha. Diện tích thiết kế trồng rừng năm 2026: 115,16 ha, diện tích không trồng là 5,89 ha, gồm: 3,41 ha có độ dốc cao khó trồng cây và phần diện tích sát rừng tự

nhiên bị cây che bóng; 2,48 ha ranh cản lửa cũ).

+ Địa điểm: Khoảnh 2, 5, 7 / Tiểu khu 124, xã Trung Khánh Vĩnh.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 02 (Đ/c: Trọng);

- Hồ sơ số 04: Mã rừng cũ: 20.08.S.CH:

Diện tích đất trống sau khai thác: 98,87 ha. Diện tích thiết kế trồng rừng: **91** ha, diện tích chưa lại không trồng 7,87 ha (trong đó: 6,35 ha giáp rừng tự nhiên cây bị che bóng không phát triển được và một phần diện tích giáp lòng suối bị sói mòn; 1,52 ha ranh cản lửa rừng trồng cũ) .

+ Địa điểm: Khoảnh 6, 7 / Tiểu khu 120, xã Trung Khánh Vĩnh.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 01 (Đ/c: Đức);

- Hồ sơ số 05: Mã rừng cũ: 20.10.S.CH.

Hồ sơ thiết kế trồng rừng gốc 138,15 ha (trong đó: 136 ha rừng; 2,15 ha ranh cản lửa). Diện tích rừng trồng đã khai thác năm 2025: 80,44 ha. Diện tích đã giải tỏa vì ảnh hưởng đường dây điện của Viettel là: 0,54 ha. Rừng trồng còn lại là 56,12 ha (55,02 ha rừng và 1,1 ha ranh cản lửa).

Diện tích đưa vào khảo sát thiết kế: 82,03 ha; trong đó:

+ *Diện tích trồng rừng: 78,10 ha.*

+ *Diện tích không trồng 3,93 ha, gồm: 2,34 ha gộp đá; 1,05 ha ranh cản lửa của rừng trồng cũ; 0,54 ha ảnh hưởng hành lang đường dây điện Viettel. Diện tích còn lại khi khai thác xong sẽ thiết kế trong hồ sơ sau.*

+ Địa điểm: Khoảnh 3 / Tiểu khu 128, khoảnh 1/TK KB152C, xã Bắc Khánh Vĩnh;

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 01 (Đ/c: Đức);

- Hồ sơ số 06: Công trình được chuyển từ hồ sơ thiết kế dự toán để trồng rừng thay thế năm 2025.

Diện tích khảo sát thiết kế trồng rừng: 80,66 ha, trong đó:

+ *Diện tích trồng rừng: 80,50 ha;*

+ *Diện tích không trồng: 0,16 ha (ranh cản lửa).*

+ Địa điểm: Khoảnh 3, 4 / Tiểu khu 152, xã Bắc Khánh Vĩnh.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý, bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 07:** Công trình được chuyển từ hồ sơ thiết kế dự toán dự kiến để trồng rừng thay thế năm 2025.

Diện tích khảo sát thiết kế trồng rừng: 36,64 ha; trong đó:

- + *Diện tích trồng rừng: 36,56 ha;*
- + *Diện tích không trồng: 0,08 ha ranh cản lửa.*
- + Địa điểm: Khoảnh 3, 4 / Tiểu khu 152, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý, bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 08:** Công trình được chuyển từ hồ sơ thiết kế dự toán dự kiến để trồng rừng thay thế năm 2025.

Diện tích khảo sát thiết kế trồng rừng: 27,83 ha, trong đó:

- + *Diện tích trồng rừng: 27,78 ha;*
- + *Diện tích không trồng: 0,05 ha ranh cản lửa.*
- + Địa điểm: Khoảnh 7 / Tiểu khu 124, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 tổ chức quản lý bảo vệ rừng;

- **Hồ sơ số 09:** Mã rừng cũ: 20.10.S.CH; Diện tích thiết kế trồng rừng 138,15 ha. Đã thiết kế trong **hồ sơ số 05** là: 82,03 ha, trong đó diện tích trồng là 80,0 ha, diện tích không trồng là 2,03 ha.

Diện tích khảo sát thiết kế trong hồ sơ này là: 56,12 ha, trong đó:

- + *Diện tích dự kiến trồng rừng là: 53,52 ha.*
- + *Diện tích không trồng: 2,6 ha, trong đó: ranh cản lửa rừng trồng cũ không trồng là: 1,10 ha; diện tích gộp đá: 1,5 ha.*
- + Địa điểm: khoảnh 1, 2, 3, 4, 5 / tiểu khu 123, xã Bắc Khánh Vĩnh;
- + Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 01 (Đ/c: Đức);

2. Trồng rừng mùa mưa chính: Trồng khi hoàn thành khai thác năm 2026: 348,26 ha (334,02 ha rừng; 14,24 ha ranh cản lửa).

- **Hồ sơ số 10:** Mã rừng cũ: 18.14.S.NC; Diện tích thiết kế trồng rừng: 38,44 ha (37,87 ha trồng rừng; 0,57 ha ranh cản lửa). Diện tích đã giải tỏa do đường dây điện công trình hồ chứa nước Sông Chò là 0,43 ha.

Diện tích rừng trồng còn lại đưa vào khảo sát thiết kế trồng rừng là: 38,01 ha (37,44 ha rừng; 0,57 ha ranh cản lửa), trong đó:

- + *Diện tích trồng rừng 37,44 ha;*
- + *Diện tích ranh cản lửa cũ không trồng: 0,57 ha.*
- + Địa điểm: Khoảnh 2 / Tiểu khu 123, xã Bắc Khánh Vĩnh;
- + Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 11:** Mã rừng cũ 20.02.S.CT; Diện tích thiết kế trồng rừng: 74,99 ha (74,21 ha trồng rừng; 0,78 ha ranh cản lửa).

Diện tích thiết kế trồng rừng: **74,21** ha, diện tích 0,78 ha ranh cản lửa không trồng;

+ Địa điểm: Khoảnh 1, 2, 3 / Tiểu khu 157; khoảnh 1/ tiểu khu KT159D, xã Trung Khánh Vĩnh.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 12:** Thiết kế trồng trong hồ sơ này gồm 02 mã rừng;

Mã rừng cũ: 20.03.S.CT: Diện tích rừng trồng: 124,34 ha (122,23 ha rừng; 2,11 ha ranh cản lửa).

Địa điểm: Khoảnh 2, 3, 5 / Tiểu khu 157; khoảnh 1/ tiểu khu KT159D, xã Trung Khánh Vĩnh.

Do rừng trồng có diện tích lớn, để có thể thi công kịp trong mùa mưa chính cần thiết phải tách thành 02 hồ sơ để lựa chọn 2 đơn vị thi công để kịp tiến độ đề ra.

Diện tích của mã rừng này đưa vào khảo sát thiết kế trồng rừng là: 51,25 ha, trong đó:

+ *Thiết kế trồng rừng là: 49,87 ha.*

+ *Diện tích ranh cản lửa của khu vực này không đưa vào thiết kế trồng rừng: 1,38 ha ranh cản lửa.*

Mã rừng: 20.12.S.CH: Diện tích thiết kế trồng rừng: 20,94 ha. Địa điểm: Khoảnh 4, 5 / Tiểu khu 157, xã Trung Khánh Vĩnh.

Diện tích đưa vào khảo sát, thiết kế trong hồ sơ này: **3,81** ha, trong đó: 2,61 ha đã bố trí trong **hồ sơ số 01**; 6,78 ha quy hoạch quốc phòng không bố trí trồng lại; phần còn lại thiết kế trong **hồ sơ số 13**.

Tổng diện tích của 2 mã rừng bố trí trồng trong hồ sơ này: **53,68** ha.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 13:** Thiết kế trồng trong hồ sơ này gồm 02 mã rừng.

Mã rừng cũ: 20.03.S.CT, diện tích 124,34 ha (122,23 rừng trồng; 2,11 ranh cản lửa). Diện tích đã thiết kế trong **hồ sơ số 12** là: 51,25 ha (49,87 trồng rừng; 1,38 ranh cản lửa).

Diện tích khảo sát thiết kế trong hồ sơ này là: **73,09** ha, trong đó:

+ *Diện tích trồng rừng: 72,36 ha;*

+ *Diện tích không trồng: 0,73 ha ranh cản lửa;*

Địa điểm: Khoảnh 4, 5 / Tiểu khu 157, xã Trung Khánh Vĩnh.

Mã rừng cũ: 20.12.S.CH, diện tích: 20,94 ha. Địa điểm: Khoảnh 4, 5 / Tiểu khu 157, xã Trung Khánh Vĩnh. Diện tích: 2,61 ha đã bố trí trồng trong **hồ sơ số 01**; diện tích: 3,81 ha đã bố trí trồng trong **hồ sơ số 12**.

Diện tích đưa vào khảo sát thiết kế trong hồ sơ này: 14,52 ha. Trong đó:

+ Diện tích thiết kế trồng rừng: **7,53** ha;

+ Diện tích không trồng: 6,99 ha, trong đó: 6,78 ha thuộc quy hoạch quốc phòng và 0,21 ha ranh cản lửa cũ không trồng;

Tổng diện tích thiết kế trồng trong hồ sơ này: **79,89** ha.

+ Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 14:** Mã rừng cũ: 20.04.S.CT, Diện tích thiết kế mã rừng cũ: 66,79 ha (64,22 ha trồng rừng; 2,11 ha ranh cản lửa). Rừng được trồng trên 02 địa điểm cách xa nhau: Địa điểm 1: Khoảnh 7 tiểu khu 119 xã Bắc Khánh Vĩnh; khoảnh 1, 3 tiểu khu 124 xã Trung Khánh Vĩnh; Địa điểm 2: Khoảnh 1 / Tiểu khu 131, xã Trung Khánh Vĩnh. Để thuận tiện trong quá trình triển khai thi công và giám sát trong quá trình thi công nên tách thành 02 hồ sơ. Cụ thể như sau:

Diện tích khảo sát thiết kế tại hồ sơ này là: 30,71 ha, trong đó:

+ *Diện tích thiết kế trồng rừng: 29,0 ha;*

+ *Diện tích không trồng: 1,71 ha, trong đó: diện tích ranh cản lửa cũ 0,51 ha và diện tích giải tỏa làm đường dây điện dự án Hồ thủy lợi Sông Chò: 0,53 ha và 0,67 ha còn nhiều cây gỗ tự nhiên không thiết kế trồng rừng.*

+ Địa điểm: Khoảnh 7 tiểu khu 119 xã Bắc Khánh Vĩnh; khoảnh 1, 3 tiểu khu 124 xã Trung Khánh Vĩnh.

+ Hình thức trồng rừng: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Dự kiến chỉ định thầu cho Hộ Kinh doanh **Nguyễn Văn Lực**;

- **Hồ sơ số 15:** Mã rừng cũ: 20.04.S.CT, diện tích đã bố trí thiết kế trong **hồ sơ số 14** là 30,71 ha. Diện tích trồng rừng bố trí tại **hồ sơ này là 36,08 ha**, trong đó:

+ *Diện tích trồng rừng: 34,0 ha;*

+ *Diện tích không trồng: 2,08 ha, trong đó: diện tích ranh cản lửa cũ không*

trồng 1,53 ha. Diện tích giáp rừng tự nhiên bị cây che bóng: 0,55 ha.

- + Địa điểm: Khoảnh 1 / Tiểu khu 131, xã Trung Khánh Vĩnh.
- + Hình thức trồng rừng: trồng rừng bằng 100% vốn doanh nghiệp;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Dự kiến chỉ định thầu cho Hộ Kinh doanh **Nguyễn Văn Lực**;

- **Hồ sơ số 16:** Mã rừng cũ: 20.13.S.CH, diện tích thiết kế trồng rừng: 3,8 ha.

Diện tích thiết kế trồng lại: 3,8 ha.

- + Địa điểm: Khoảnh 4 / Tiểu khu 128, xã Bắc Khánh Vĩnh.
- + Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 01 quản lý bảo vệ rừng trồng;

- **Hồ sơ số 17:** Mã rừng cũ: 21.08.S.CH, diện tích thiết kế trồng rừng: 22,0 ha.

Diện tích thiết kế trồng lại: 22,0 ha.

- + Địa điểm: Khoảnh 4 / Tiểu khu 128, xã Bắc Khánh Vĩnh.
- + Hình thức đầu tư: trồng rừng bằng vốn doanh nghiệp và vốn huy động;
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ thi công: Đối tác góp vốn hợp tác thi công trồng, chăm sóc rừng trồng; Đội Bảo vệ và phát triển rừng số 03 quản lý bảo vệ rừng trồng;

(Có biểu thống kê chi tiết khai thác và trồng lại rừng kèm theo)

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Phòng Kỹ thuật & QLVR đảm nhiệm:

- Dự toán chi phí lập phương án khai thác / lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình trồng rừng đúng theo các quy định pháp luật hiện hành. Trình Tổ Thẩm định trực thuộc Công ty thẩm định, trình Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc phê duyệt theo quy định.

- Lập kế hoạch cung ứng cây giống trồng rừng theo kế hoạch trồng rừng năm 2026 của các hồ sơ trồng rừng nêu trên.

3.2. Tổ Tư vấn lập dự án lâm sinh: Tiến hành điều tra, khảo sát thiết kế lập Phương án khai thác rừng trồng sản xuất / Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình trồng lại rừng theo kế hoạch đề ra, trình Tổ Thẩm định của Công ty thẩm định; trình Chủ tịch Công ty phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định.

- Tạm ứng chi phí để thực hiện điều tra, khảo sát thiết kế lập phương án khai thác lâm sản, điều tra thiết kế trồng rừng. Lập các thủ tục thanh toán chi phí đúng theo quy định hiện hành, cung cấp chứng từ thanh toán để thanh chi phí lập phương án kịp thời.

3.3. Phòng Tổng hợp

- Tham mưu lựa chọn đơn vị tư vấn để thẩm tra các hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ

thuật công trình trồng rừng sản xuất do Tổ Tư vấn lập dự án công trình lâm sinh lập trước khi trình qua Tổ Thẩm định của Công ty thẩm định.

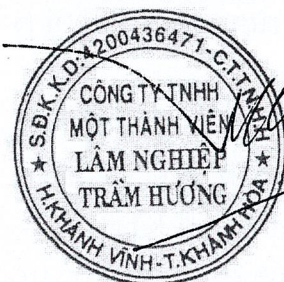
- Thực hiện thủ tục định giá, bán đấu giá tài sản theo quy định.
- Giải quyết tạm ứng chi phí chi phí thiết kế khai thác, thiết kế trồng rừng cho Tổ tư vấn. Thanh toán chi phí thiết kế khi Tổ tư vấn cung cấp đầy đủ chứng từ thiết kế đúng theo các quy định hiện hành.

3.4. Các Đội Bảo vệ và phát triển rừng có diện tích khai thác thuộc lâm phần do Đội quản lý bảo vệ, chịu trách nhiệm giám sát trong quá trình khai thác rừng và quản lý, bảo vệ diện tích đất rừng sau khai thác cho đến khi trồng lại rừng. Thực hiện công tác phát triển rừng theo phân công nhiệm vụ của Công ty đúng tiến độ và chất lượng theo hồ sơ được phê duyệt. *ML*

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Công ty;
- Các phòng NV;
- Lưu VT, KTh.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trung